

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023****Kỳ báo cáo: Tháng 1 năm 2023***(Kèm Công văn số: 392 /STC-QLNS của Sở Tài chính Hải Dương ngày 15 tháng 02 năm 2023)*

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dư nợ đầu năm (ngày 01 tháng 01 năm 2023)	THỰC HIỆN THÁNG 1 NĂM 2023				Dư nợ ngày 31 tháng 01 năm 2023
			Vay trong năm	Trả nợ trong kỳ			
				Gốc	Lãi + Phí	Tổng	
A	1	2	3	4	5=3+4	6 = (1+2-3)	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>371,833,566,846</b>	-	-	-	-	<b>371,833,566,846</b>
<b>I</b>	<b>Vay phát hành trái phiếu chính quyền địa phương</b>						
<b>II</b>	<b>Tạm ứng ngân quỹ nhà nước</b>						
<b>III</b>	<b>Vay các tổ chức tài chính, tín dụng</b>						
1	Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam						
2	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng						
<b>IV</b>	<b>Vay lại vốn vay nước ngoài</b>	<b>369,250,271,225</b>	-	-	-	-	<b>369,250,271,225</b>
1	Dự án cấp nước sạch về VSNT Đồng bằng Sông Hồng	82,224,766,709	-			-	82,224,766,709
2	Dự án năng lượng nông thôn ReII	30,841,729,350	-			-	30,841,729,350
3	Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	233,528,349,291	-			-	233,528,349,291
4	Sửa chữa nâng cao an toàn đập WB8	22,655,425,875	-			-	22,655,425,875
<b>V</b>	<b>Vay khác</b>	<b>2,583,295,621</b>	-	-	-	-	<b>2,583,295,621</b>
1	Dự án Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt tỉnh Hải Dương	2,583,295,621	-				2,583,295,621
	<i>Nguồn trả nợ từ Ngân sách tỉnh</i>		-				
	<i>Nguồn trả nợ từ Doanh nghiệp</i>		-				

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022****Kỳ báo cáo: Năm 2022***(Kèm Công văn số: 392 /STC-QLNS của Sở Tài chính Hải Dương ngày 15 tháng 02 năm 2023)*

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dư nợ đầu năm (ngày 01 tháng 01 năm 202)	THỰC HIỆN NĂM 2022				Dư nợ cuối năm 2022
			Vay trong năm	Trả nợ trong kỳ			
				Gốc	Lãi + Phí	Tổng	
	A	1	2	3	4	5=3+4	6 = (1+2-3)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>174,083,855,547</b>	<b>223,807,384,025</b>	<b>26,057,672,726</b>	<b>5,059,893,402</b>	<b>31,117,566,128</b>	<b>371,833,566,846</b>
<b>I</b>	<b>Vay phát hành trái phiếu chính quyền địa phương</b>						
<b>II</b>	<b>Tạm ứng ngân quỹ nhà nước</b>						
<b>III</b>	<b>Vay các tổ chức tài chính, tín dụng</b>						
1	Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam						
2	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng						
<b>IV</b>	<b>Vay lại vốn vay nước ngoài</b>	<b>168,917,264,306</b>	<b>223,807,384,025</b>	<b>23,474,377,106</b>	<b>4,922,440,546</b>	<b>28,396,817,652</b>	<b>369,250,271,225</b>
1	Dự án cấp nước sạch về VSNT Đồng bằng Sông Hồng	95,099,359,352	-	12,874,592,643	-	12,874,592,643	82,224,766,709
2	Dự án năng lượng nông thôn ReII	38,552,161,688	-	7,710,432,338	390,876,084	8,101,308,422	30,841,729,350
3	Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	28,567,057,766	204,961,291,525	-	4,187,343,084	4,187,343,084	233,528,349,291
4	Sửa chữa nâng cao an toàn đập WB8	6,698,685,500	18,846,092,500	2,889,352,125	344,221,378	3,233,573,503	22,655,425,875
<b>V</b>	<b>Vay khác</b>	<b>5,166,591,241</b>	<b>-</b>	<b>2,583,295,620</b>	<b>137,452,856</b>	<b>2,720,748,476</b>	<b>2,583,295,621</b>
1	Dự án Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt tỉnh Hải Dương	5,166,591,241	-	2,583,295,620	137,452,856	2,720,748,476	2,583,295,621
	<i>Nguồn trả nợ từ Ngân sách tỉnh</i>	-	-				
	<i>Nguồn trả nợ từ Doanh nghiệp</i>	-	-	2,583,295,620	137,452,856	2,720,748,476	